

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SĐ
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10-5-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SĐ, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thao

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Chung; ông Lã Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện SĐ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 157/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST – HNGĐ ngày 24/4/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị La Thị Ng, sinh năm 1991 (vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Tr R, xã CĐ, huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Đàm Văn S, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Tr R, xã CĐ, huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/9/2022, các lời khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, chị La Thị Ng trình bày: Chị tự nguyện kết hôn với anh Đàm Văn S, có đăng ký kết hôn ngày 18/02/2011 tại UBND xã CĐ, huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang.

Tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc; năm 2012 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, anh S có đánh chị gây răng, vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 đến nay tình nghĩa vợ chồng không có, Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Đàm Thị Ngọc T, sinh ngày 13/12/2011 và Đàm Minh D, sinh ngày 25/12/2013, hiện tại hai cháu đang ở với ông bà nội. Vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không có.

Chứng cứ chị Ngđưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là Trích lục kết hôn số 08/TLKH-HS ngày 15/9/2022 của UBND xã Cẩm Đàn, bản sao Giấy khai sinh của cháu Đàm Thị Ngọc T, cháu Đàm Minh D.

Anh Đàm Văn S: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh S nhưng anh S không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, không chấp hành giấy triệu tập, không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do vậy trong hồ sơ vụ án không có lời khai của anh S.

Cháu Đàm Thị Ngọc T và cháu Đàm Minh D đều trình bày: Có nguyện vọng được ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện SĐphát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ trình tự của tại phiên tòa sơ thẩm.

Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1, Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Cho chị La Thị Ng ly hôn anh Đàm Văn S;

Về con chung: Giao chị La Thị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đàm Thị Ngọc T, sinh ngày 13/12/2011 và Đàm Minh D, sinh ngày 25/12/2013. Anh Skhông phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Ngphải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị La Thị Ng vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đàm Văn S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Ng, anh Sttheo quy định tại điểm a, điểm b, khoản 2, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Ngkhởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, anh S đang cư trú tại Thôn Tr R, xã CĐ, huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện SĐ thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về Nội dung:

Chị Ngvà anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CĐ ngày 18/02/2011. Quan hệ hôn nhân giữa chị Ng và anh S là hợp pháp, do vợ chồng mâu thuẫn, đã ly thân từ năm 2014, chị Ngkhởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh S, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho nuôi cả hai con chung.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Ng, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh S đã được Tòa án thông báo việc chị Ng khởi kiện nhưng anh không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, Tòa án cũng không lấy được lời khai của anh S do anh S không hợp tác. Như vậy, anh S không phản đối những tình tiết do chị Ng đưa ra nên những tình tiết chị Ng đưa ra là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài lời khai của chị Ng, Tòa án đã xác minh bà Hoàng Thị Nh (mẹ đẻ anh S), xác minh tại UBND xã CĐcó đủ cơ sở khẳng định: Chị Ng và anh S đã ly thân, không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị Ng, anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận

yêu cầu khởi kiện của chị Ng, cho chị Ng ly hôn anh S là đúng quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị Ng và anh S có 02 con chung là Đàm Thị Ngọc T, sinh ngày 13/12/2011 và Đàm Minh D, sinh ngày 25/12/2013. Chị Ng đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị Ng có đủ điều kiện nuôi con, cháu T, cháu D đều có nguyện vọng được ở với chị Ng. Anh S không phản đối yêu cầu của chị Ng nên cần giao cho chị Ng trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do chị Ng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ng xác định không có, anh S không cung cấp ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí, quyền kháng cáo: Chị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, điểm b Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị La Thị Ng được ly hôn anh Đàm Văn S.

2. Về con chung: Giao chị La Thị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Đàm Thị Ngọc T, sinh ngày 13/12/2011 và Đàm

Minh D, sinh ngày 25/12/2013. Anh Skhông phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Scó quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị La Thị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0015435, ngày 03/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Động. Xác nhận chị Ng đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện SĐ;
- UBND xã CĐ;
- Chi cục thi hành án DS huyện SĐ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Xuân Thạo